

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 18-02-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 và các quyết định hoãn phiên tòa: Số 45/2021/QĐST-DS ngày 03/12/2021, số 47/2021/QĐST-DS ngày 31/12/2021 và số 02/2022/QĐST-DS ngày 21/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện TH, tỉnh Long An. Xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn VH, huyện VH, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Vào ngày 20/6/2017 âm lịch (dương lịch là ngày 13/7/2017), bà Võ Thị Thanh T có tham gia chơi 01 phần hui mùa 5.000.000 đồng, 04 tháng khai hui một lần do bà H làm đầu thảo, hui gồm có 13 phần, quy định bỏ hui thấp nhất là 1.000.000 đồng, tiền hoa hồng cho đầu thảo là 2.000.000 đồng. Do bà H không biết chính xác họ tên chữ đệm nên ghi tên Võ Thị T trong danh sách hui viên (tên đúng của bà T là Võ Thị Thanh T). Bà T đóng được 01 lần hui sống, đến lần khai

hụi thứ 2 ngày 10/9/2017 âm lịch, bà T bỏ thăm 2.500.000 đồng và được hốt hụi với số tiền 32.500.000 đồng. Sau khi trừ tiền hoa hồng, bà H đã giao hụi cho bà T ngày 20/9/2017 âm lịch (là ngày 08/11/2017 dương lịch). Bà T có ký tên vào biên nhận nhận tiền hụi và hẹn trả hụi chết theo mỗi kỳ mở hụi tiếp theo nhưng không thực hiện.

Đến kỳ khai hụi lần thứ 3 vào tháng 01 năm 2018 âm lịch thì bà Võ Thị D bỏ hụi 2.600.000 đồng hốt được số tiền 34.000.000 đồng. Bà H đã giao hụi cho bà D, do bà T không đóng hụi chết nên bà H phải đóng choàng cho bà T 5.000.000 đồng.

Khai hụi kỳ thứ 4 vào tháng 05 năm 2018 âm lịch bà Võ Thị T1 (chị ruột bà T) bỏ hụi 2.650.000 đồng và hốt được 36.150.000 đồng. Bà H đã giao hụi cho bà T1 và phải đóng choàng cho bà T 5.000.000 đồng.

Sau lần khai hụi kỳ thứ 4 thì các thành viên tham gia chơi hụi thống nhất ngưng khai hụi và trả vốn cho 09 người hụi sống còn lại. Bà H hoàn trả làm 02 đợt: Đợt 01 ngày 05/10/2018 âm lịch, trả cho 05 người gồm Nguyễn Thị LC, Dương Văn T, Võ Văn Kh, Nguyễn Hữu B và Nguyễn Thị Trúc L, mỗi người 2.500.000 đồng x 5 = 12.500.000 đồng (có ký tên vào bảng thỏa ước); Đợt 02 ngày 05/02/2019 âm lịch, trả cho 04 người gồm Nguyễn Thị LC, Dương Văn T, Võ Thị D và bà Võ Thị H mỗi người 2.500.000 đồng x 4 = 10.000.000 đồng (có ký tên vào bảng thỏa ước). Trước đó, ngày 04/02/2019 âm lịch (là ngày 09/3/2019 dương lịch), bà T có trả cho bà H 4.000.000 đồng. Sau đó bà T né tránh không liên lạc được và cũng không trả lại tiền hụi đã hốt cho bà H.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà Võ Thị Thanh T trả lại cho bà số tiền hụi chết của 11 lần là 55.000.000 đồng, trừ 4.000.000 đồng bà T trả nên số tiền yêu cầu là 51.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, bà H thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu bà T trả lại cho bà H số tiền bà đã choàng hụi lần 3, lần 4 và số tiền trả vốn cho các hụi viên còn hụi sống mà bà đã trả thay, đồng ý trừ 4.000.000 đồng bà T đã trả vào ngày 04/02/2019 âm lịch (là ngày 09/3/2019 dương lịch) và yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 05/02/2019 âm lịch (tức 10/3/2019 dương lịch) đến ngày 10/11/2021, mức lãi 10%/năm, đồng thời yêu cầu tính lãi tiếp kể từ ngày 11/11/2021 đến khi trả xong nợ, mức lãi 10% năm nên số tiền yêu cầu là 32.500.000 đồng – 4.000.000 đồng = 28.500.000 đồng, tính lãi suất 10%/năm từ ngày 10/3/2019 đến ngày xét xử là 18/02/2022 là 02 năm 11 tháng 08 ngày với số tiền lãi là 8.365.000 đồng (đã làm tròn số). Kể từ ngày 19/02/2022, bà Huỳnh yêu cầu tính lãi tiếp, mức lãi 10%/năm cho đến khi bà Tuyên trả xong nợ gốc.

Bị đơn bà Võ Thị Thanh T vắng mặt không thể hiện ý kiến trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và không tham dự phiên Tòa.

Kết quả xác minh của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Th và bà Huỳnh Thị Đ là thành viên tham gia dây hụi trên xác nhận đã nhận lại tiền hụi vốn do bà H giao. Xác nhận dây hụi trên đã ngưng khai từ sau lần khai hụi kỳ thứ tư như bà H trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Về nội dung vụ án: Vào ngày 28/4/2021 bà Võ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Thanh T trả cho bà số nợ đối với dây hui do bà làm thảo hui khai ngày 20/6/2017 âm lịch số tiền là 51.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2021 bà H có điều chỉnh yêu cầu như sau: yêu cầu bà T trả cho bà số tiền hui bà đã choàng 28.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/02/2019 âm lịch (tức 10/3/2019 dương lịch) đến ngày 10/11/2021, mức lãi 10%/năm. Bà yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ ngày 11/11/2021 đến khi trả xong nợ, mức lãi 10% năm.

Bà Võ Thị Thanh T vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến trong vụ án.

Xét yêu cầu trả nợ đối với dây hui mà bà T tham gia do bà Võ Thị H làm đầu thảo: Theo lời trình bày của bà H thì bà T có tham gia 01 phần hui của dây hui khai ngày 20/6/2017, số tiền 5.000.000 đồng/lần, 4 tháng khai 01 lần. Bà T chỉ đóng hui sống 01 lần, đến lần khai hui thứ 02 vào ngày 20/9/2017 bà T bỏ hui và hốt hui số tiền 32.500.000 đồng. Sau khi trả hoa hồng cho đầu thảo thì bà H giao cho bà T số tiền 30.500.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi lĩnh hui bà T không thực hiện nghĩa vụ góp lại hui chết, do đó bà H phải choàng hui cho các hui viên còn lại vào lần khai hui thứ 3 (tháng 01/2018) và thứ 4 (tháng 5/2018) với số tiền 5.000.000 đồng/lần. Sau lần khai hui thứ 4 thì các thành viên tham gia thống nhất ngưng khai hui và bà H đã trả vốn cho 09 người hui sống còn lại. Trả làm 2 đợt: Đợt 01 vào ngày 05/10/2018 âm lịch trả số tiền 12.500.000 đồng (2.500.000 đồng $\times$ 5 người); đợt 2 vào ngày 05/02/2019 âm lịch trả 10.000.000 đồng (2.500.000 đồng $\times$ 4 người). Về bị đơn bà Võ Thị Thanh T vắng mặt không lý do trong những lần Tòa án triệu tập đến Tòa để hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến trong vụ án. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự để xem xét giải quyết. Căn cứ giấy biên nhận ngày 20/9/2017 và danh sách các hui viên cũng như "Bảng thỏa ước" bà H cung cấp có cơ sở xác định bà T có tham gia chơi hui do bà H làm thảo hui đối với dây hui khai ngày 20/6/2017 âm lịch; bà T có nhận số tiền lĩnh hui (sau khi trừ hoa hồng) số tiền là 30.500.000 đồng từ bà H giao, có viết biên nhận. Sau đó, bà H có choàng hui cho các hui viên đã hốt hui vào các lần 3, 4 cũng như các hui viên còn sống khi dây hui ngưng khai hui vào ngày 05/02/2019 âm lịch với tổng số tiền 32.500.000 đồng. Do bà H thừa nhận có nhận 4.000.000 đồng bà T trả cho bà vào ngày 04/02/2019 âm lịch và đồng ý trừ vào số tiền gốc mà bà đã choàng hui cho các hui viên trong dây hui và chỉ yêu cầu bà Tuyên trả nợ gốc 28.500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện và chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về lãi suất: Xét thấy mức lãi suất bà H yêu cầu phù hợp với qui định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/ND-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biếu, phường đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tổ tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “Hợp đồng góp hụi” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn VH, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Võ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/02/2022; Bị đơn bà Võ Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với việc bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà T trả 51.000.000 đồng (gồm tiền hui chết của 11 lần là 55.000.000 đồng, trừ 4.000.000 đồng bà T đã trả) nhưng sau đó bà H thay đổi chỉ yêu cầu bà T trả lại cho bà số tiền hui chết bà đã choàng 2 lần là 10.000.000 đồng và tiền vốn bà H đã hoàn trả cho các hui viên còn sống là 22.500.000 đồng với tổng số tiền 32.500.000 đồng, đồng ý trừ 4.000.000 đồng bà T trả vào ngày 04/02/2019 âm lịch nên số tiền yêu cầu là 28.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, từ ngày 10/3/2019 đến khi trả xong nợ gốc là trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét việc nguyên đơn bà Võ Thị H yêu cầu bà Võ Thị Thanh T trả lại 28.500.000 đồng tiền hui và tính lãi suất 10%/năm, từ ngày 10/3/2019 đến ngày xét xử là ngày 18/02/2022, và yêu cầu tiếp tục tính lãi 10%/năm sau ngày xét xử đến khi bị đơn thanh toán hết tiền nợ gốc, thấy rằng:

Bà H là nguyên đơn đã cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà có tổ chức dây hui vào ngày 20/6/2017 âm lịch (dương lịch là ngày

13/7/2017) có bà Võ Thị Thanh T tham gia chơi 01 phần hội mùa 5.000.000 đồng, 04 tháng khai hội 01 lần, hội gồm 13 phần. Bà T đã bỏ thăm 2.500.000 đồng và được hốt hội với số tiền 32.500.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng nên bà T nhận được số tiền 30.500.000 đồng. Bà H đã giao hội cho bà T ngày 20/9/2017 âm lịch (ngày 08/11/2017 dương lịch). Bà T có ký tên vào biên nhận nhận tiền hội ngày 20/9/2017 và hứa hẹn việc đóng lại tiền hội chết 4 tháng một lần số tiền 5.000.000 đồng cho mỗi kỳ hội nhưng sau đó không thực hiện. Dây hội sau đó khai được lần thứ 3 và lần thứ 4 thì ngưng khai sau kỳ khai hội lần 4 và bà H đã choàng hội chết cho bà T 02 lần, hoàn trả lại tiền vốn cho các hội viên còn hội sống theo danh sách trả vốn có chữ ký của các hội viên. Do bà T đã hốt hội nhưng không đóng, bà H đã tự bỏ tiền cá nhân để choàng hội và trả thay cho các hội viên chưa hốt còn lại nên việc bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền hội bà H đã đóng choàng và trả thay, trừ 4.000.000 đồng bà T trả vào ngày 09/3/2019, đồng thời tính lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 10/3/2019 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự; các điều 13, 16, 17, 25, 28 và 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên được chấp nhận.

[2.3] Bà T đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng cố tình không đến Tòa án để thể hiện ý kiến hoặc tham gia hòa giải, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc tranh chấp hợp đồng góp hui với bà Võ Thị Thanh T.

Buộc bà Võ Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 36.865.000 đồng (trong đó tiền gốc 28.500.000 đồng, tiền lãi 8.365.000 đồng tính đến ngày xét xử 18/02/2022, đã làm tròn số).

2. Kể từ ngày 19/02/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Võ Thị Thanh T còn phải chịu tiếp tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc 28.500.000 đồng, mức lãi 10%/năm cho đến khi trả xong.

3. Về án phí:

3.1. Buộc bà Võ Thị Thanh T phải chịu 1.843.000 (một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn) đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3.2. Hoàn trả cho bà Võ Thị H 1.275.000 (một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002951 ngày 26/5/2021.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

(Đã ký)

Huỳnh Thị Yến Linh